

Số: 145/BC-THS2MM

Mường Mươn, ngày 10 tháng 9 năm 2024.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm học: 2024-2025

Thực hiện thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ ở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường PTDTBT TH số 2 Mường Mươn báo cáo công tác thường niên, cụ thể như sau:

I. Thông tin chung của đơn vị.

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTBT TH số 2 Mường Mươn

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Púng Giắt 1, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 0979085991

- Gmail: ptdtbthso2muongmuon.muongcha@dienbien.edu.vn

- Trang thông tin điện tử (Website): <https://thso2muongmuon.muongcha>.

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

- Sứ mệnh: Xây dựng phương pháp dạy học mới trong môi trường dạy học trách nhiệm, thân thiện, sáng tạo đạt yêu cầu về chất lượng.

Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo của bản thân.

- Tầm nhìn: Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Mường Mươn là một trường đạt chất lượng, có uy tín với nhân dân, là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, có lòng nhân ái, hoà nhập tốt với cộng đồng và luôn có ý chí vươn lên.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn cố gắng xây dựng trường PTDTBT Tiểu học số 2 Mường Mươn ngày càng phát triển với những giá trị mới, thực tiễn trong việc đổi mới phương pháp dạy học của thời kì hội nhập.

- Giá trị cốt lõi:

Giáo viên: “Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên hiểu và làm tốt công việc của mình”.

Học sinh: Thực hiện tốt phương châm trường PTDTBT Tiểu học số 2 Mường Mươn: “Chăm chỉ – Tự tin – Tích cực”.

- Mục tiêu: Không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường, phấn đấu kiểm định trường đạt chất lượng mức độ 2.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Mường Mươn (trước là trường Tiểu học số 2 Mường Mươn) được thành lập vào ngày 15 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định số QĐ số 3284/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà; trường được chia tách từ Trường tiểu học số 1 Mường Mươn, xã Mường Mươn từ 01 tháng 7 năm 2009. Mục tiêu của trường là giáo dục con em các dân tộc xã nhà có đủ đức, đủ tài để sau này phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của trường thực hiện theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020; thông tư số 03/2023 thông tư ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Nguyễn Thị Liễu
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Mường Mươn, huyện Mường Chà, Tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0979085991
- Gmail: lieunt.thnasang.muongcha@dienbien.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

STT	Số văn bản	Ngày	Cơ quan ban hành	Trích yếu
1	3284/QĐ-UBND	15/11/2021	UBND huyện Mường Chà	Quyết định thành lập trường PTDTBT Tiểu học số 2 Mường Mươn
2	5497/QĐ UBND	03/10/2023	UBND huyện Mường Chà	Quyết định thành lập Hội đồng trường
3	3200/QĐ-UBND	29/8/2022	UBND huyện Mường Chà	Quyết định Điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng
4	3714/QĐ-UBND	12/11/2021	UBND huyện Mường Chà	Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng
6	3714/QĐ-UBND	12/11/2021	UBND huyện Mường Chà	Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng

7.	5698/QĐ-UBND		UBND huyện Mường Chà	Quyết định công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường
----	--------------	--	----------------------	---

Trường PTDTBT TH số 2 Mường Mươn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục tại 5 điểm bản trên địa bàn xã Mường Mươn: Giảng dạy, huy động trẻ em lứa tuổi tiểu học đến trường; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học. Dưới sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, chính quyền địa phương, đặc biệt Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh nhà trường, chất lượng giáo dục đã có những chuyển biến rõ rệt, cụ thể:

Chất lượng học tập các môn học và HĐGD cũng như rèn luyện năng lực, phẩm chất của học sinh luôn đảm bảo và ngày một nâng cao. Hàng năm nhà trường đều có học sinh đạt giải cấp huyện.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm học.

Công tác thu chi tài chính của nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc theo đúng nguyên tắc tài chính.

Trong những năm qua, Trường PT DTBT tiểu học số 2 Mường Mươn liên tục được công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”. Hàng năm, có trên 90 % cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến, 4-5 cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở”, nhiều lượt cá nhân được tặng Bằng khen, giấy khen của các cấp.

Nhà trường tiếp tục phấn đấu về mọi mặt để nâng cao chất lượng giáo dục, phấn đấu đạt được tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi nhà trường phải không ngừng đổi mới, tích cực hòa nhập, giao lưu học hỏi, tiếp cận, tiếp thu những kiến thức, những kinh nghiệm tiên tiến của trường bạn về áp dụng vào trường mình một cách phù hợp, hiệu quả. Một yêu cầu đặt ra với cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh trường PTDTBT TH số 2 Mường Mươn là phải luôn luôn cố gắng, học hỏi để duy trì, nâng cao chất lượng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia trong các năm học tiếp theo.

II. Đội ngũ nhà giáo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

1. Số lượng giáo viên, CBQL và NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo

Năm học 2024-2025 tổng số Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường là 34 đồng chí, trong đó:

	Tổng số	Nữ	Đâ n	Đảng viên	Trình độ đào tạo	Trình độ lý luận
--	---------	----	------	-----------	------------------	------------------

			tộc		Th. sĩ	ĐH	CD	TC	Khác	Trung cấp	Sơ cấp
1. CBQL	3	3		3		3				3	
- Hiệu trưởng	1	1		1		1				1	
- Phó hiệu trưởng	2	2		2		2				2	
2. Giáo viên	24	15	12	21	1	23				1	
- GV văn hóa	17	11	8	15	1	16				1	
- GV ngoại ngữ	2	2	2	1		2					
- GV Âm nhạc	1			1		1					
- GV Mĩ Thuật	1	1	1	1		1					
- GV Tin học	1	1	1	1		1					
- GV giáo dục TC	2			2		2					
3. TPT Đội TNTP HCM	1	0	1	1		1					
4. Nhân viên	6	3	5	5		2	1	2	1		
- Kế toán	1	1		1				1			
- Văn thư	1		1	1			1				
- Thư viện	1	1		1		1					
- Thiết bị	1	1	1			1					
- Y tế	1	1	1	1				1			
- Bảo vệ	1		1	1					1		

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

-Xếp loại chuẩn nghề nghiệp năm học 2023-2024

Đối tượng	Tổng số	Xếp loại			
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
CBQL	03	3	0	0	0
Giáo viên	25	19	5	1	0

-Xếp loại viên chức năm học 2023-2024

Đối tượng	Tổng số	Xếp loại			
		HTXS	HTT	HT	Chưa HT
CBQL	03	2	1	0	0
Giáo viên-nv	31	5	26	0	0

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Đối tượng	Tổng số	Xếp loại	
		Hoàn thành	Không hoàn thành
CBQL	03	03	0
Giáo viên	25	25	0

III. Cơ sở vật chất.

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có Tổng diện tích đất là 4386,8 m² , trong đó điểm trường trung tâm: 3220 m²;

Trường có 4 điểm trường lẻ : điểm trường Huồi Ho: Diện tích cấp 169,7 m² ; điểm trường Pú Vang: Diện tích cấp 227,4m²; điểm trường Huồi Meo: Diện tích cấp 169,7 m², Điểm trường Pú Chả 600m²

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 học sinh là 14,52 m²/học sinh, đảm bảo theo quy định.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng		Tỷ lệ	Ghi chú
			Năm 2023-2024	Năm 2024-2025		
1	Phòng học	phòng	15	15		
	+Kiên cố	phòng	9	7		Giảm 2
	+ Bán kiên cố	phòng	1	0		
	+Tạm	phòng	5	8		Tăng 3
2.	Phòng học bộ môn	phòng	2	1		
	+Tin học	phòng	1	1		
	+Ngoại ngữ	phòng	1	0		Giảm 01
3	Phòng hỗ trợ học tập	phòng				
	+ Thư viện	phòng	1	0		Giảm 01
	+ Thiết bị	phòng	1	0		Giảm 01
	+ Đoàn đội	phòng	1	0		Giảm 01
4	Phòng quản trị hành chính	phòng	5	5		
	+ Ban giám hiệu	phòng	2	1		Giảm 01
	+ Kế toán	phòng	1	0		Giảm 01
	+ Hội đồng	phòng	1	0		Giảm 01
	+ bảo vệ	phòng	1	0		Giảm 01

5	Phòng phụ trợ	phòng	1	1		
	+ Y tế	phòng	1	1		
6	Phòng phục vụ sinh hoạt	phòng	17	13		
	+Phòng ở bán trú	phòng	4	3		Giảm 01
	+Phòng công vụ giáo viên	phòng	9	7		Giảm 02
	+ Phòng quản lý HS	phòng	1	0		Giảm 01
	+ Nhà bếp	phòng	1	1		
	+ Nhà ăn	phòng	1	1		
	+ Kho	phòng	1	1		
7	Công trình phụ trợ	phòng	9	9		
	Nhà vệ sinh GV	phòng	2	2		
	Nhà vệ sinh HS	phòng	7	7		

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định:

- + Máy tính phòng Tin học: 21 bộ
- + Tổng số máy chiếu: 09 (trong đó lắp cố định tại phòng học: 06, phòng học bộ môn 01, máy di động 2).
- + Máy chiếu vật thể: 01
- + Tủng âm loa, đài: 01 bộ
- Số thiết bị giáo dục phục vụ cho công tác dạy và học đảm bảo và đạt 90% số thiết bị đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Các Sách giáo khoa được lựa chọn và sử dụng giảng dạy trong nhà trường là các SGK thuộc Danh mục SGK được Bộ GDĐT phê duyệt và đã được UBND tỉnh ra quyết định lựa chọn và sử dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Danh mục SGK lớp 1

TT	Bộ sách	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, ... , Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Toán 1	Hà Huy Khoái, Lê Anh Vinh, Nguyễn Áng,..., Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan, Trần Thành Nam, Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tự nhiên và xã hội 1	Vũ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thán,..., Hoàng Quý Tinh	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Mĩ Thuật 1	Đình Gia Lê, Trần Thị Biển, Phạm Duy Anh	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
6	Cánh diều	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang, Nguyễn Công trường	Nhà xuất bản Đại học sư phạm
7	Cánh diều	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn, Đỗ Thanh Hiền	Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh
8	Cánh diều	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang, Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiệp, Ngô Quang Quế	Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh
9	English Discovery	Tiếng Anh 1	Lưu Thị Kim Nhung , Đỗ Phi Nga	Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội

- Danh mục SGK lớp 2

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh	Giáo dục

		(Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	Việt Nam
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai	Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Than (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh	Giáo dục Việt Nam
5	Âm Nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (Đồng Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ Thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (Đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (Đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết - Hồ Đắc Sơn (Đồng Tổng chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luân, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 2 (English Discovery)	Lưu Kim Nhung (Chủ biên), Đỗ Thị Phi Nga	Đại học Sư phạm

- Danh mục SGK lớp 3

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3 tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam

		Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng	
	Tiếng Việt 3 tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên) Lê Anh Vinh (Chủ biên) Nguyễn Áng; Vũ Văn Dương; Nguyễn Minh Hải; Hoàng Quế Hương; Bùi Bá Mạnh.	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên) Trần Thành Nam (Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh; Nguyễn Ngọc Dung; Nguyễn Thị Việt Hà.	Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên) Nguyễn Thị Thán (Chủ biên) Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam
5	Tin Học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên) Hoàng Thị Mai (Chủ biên) Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đăng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Giáo dục Việt Nam
6	Công Nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên) Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên) Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên) Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên) Đỗ Mạnh Hưng; Vũ Văn Thịnh; Vũ Thị Hồng Thu; Vũ Thị Thư; Phạm Mai Vương.	Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 3	Hoàng Long; Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên) Mai Linh Chi; Nguyễn Thị Nga; Đặng Khánh Nhật.	Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ Thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng chủ biên) Trần Thị Biển; Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên) Phan Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp; Trần Thị Thu Trang	Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên) Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Bình; Bùi Thị Hương	Giáo dục Việt Nam

		Liên; Trần Thị Tô Oanh.	
11	Tiếng Anh 3	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên) Phan Hà (Chủ biên) Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam

- Danh mục SGK lớp 4

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1 Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan Tập 2 Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên) Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh	Giáo dục Việt Nam
3	Khoa học 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Phan Thanh Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lý 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên phần LS), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng chủ biên cấp tiểu học phần LS); Nguyễn Thị Thu Thủy (chủ biên phần LS)Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương. Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần ĐL), Trần Thị Hà Giang (chủ biên phần ĐL) ; Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Giáo dục Việt Nam

5	Đạo đức 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	Giáo dục Việt Nam
8	Công nghệ 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Đình Gia Lê (Tổng chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (Đồng chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang	Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục thể chất 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên) Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Giáo dục Việt Nam
11	HĐTN 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên) Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phạm Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn	Giáo dục Việt Nam

- Danh mục SGK lớp

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên) Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.	
3	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần LS), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp tiểu học phần LS), Nguyễn Thị Thu Thủy (Tổng Chủ biên phần LS), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên ĐL), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần ĐL), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

8	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên) Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ Thuật 5	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 5 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Minh Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu được sử dụng tại nhà trường thuộc danh mục sách được BGD phê duyệt theo :

TT	Tên xuất bản phẩm	Nhà xuất bản
1	Cẩm nang công tác thư viện trường học trong thời kỳ hiện đại	Lao Động
2	Cẩm nang dành cho lãnh đạo trường học & chế độ, chính sách dành cho học sinh, sinh viên, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, đảm bảo an toàn, tránh tai nạn, thương tích trong trường học.	Lao Động
3	Cuộc đời và sự nghiệp đại tướng Võ Nguyên Giáp	Hồng Đức
4	Cẩm nang giáo dục mầm non-quy chế đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và các chế độ, chính sách mới dành cho giáo viên, cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục mầm non	Lao Động
5	Hướng dẫn cơ chế kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua kho bạc nhà nước áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức giao dịch với hệ thống kho bạc nhà nước	Hồng Đức

TT	Tên xuất bản phẩm	Nhà xuất bản
6	Đại tướng tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp-người chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng	Tài chính
7	70 năm chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng	Tài chính
8	Tài liệu tuyên truyền phòng tránh tai nạn thương tích, hướng dẫn sơ cấp cứu ban đầu tai nạn thương tích và chuẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em, học sinh	Hồng Đức
9	Luật đấu thầu-quy định lựa chọn nhà thầu, hạn chế thất thoát, lãng phí, tiêu cực, tham nhũng trong lĩnh vực đấu thầu-Luật giá	Lao động
10	Nghiệp vụ văn thư, lưu trữ quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp	Hồng Đức
11	230 câu hỏi-đáp về khiếu nại, tố cáo quy trình thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng	Lao động
12	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục và công tác thi đua, khen thưởng ngành giáo dục	Lao động
13	Luật cán bộ, công chức-luật viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành mới nhất	Lao động
14	Luật ATTP-quy định về ATVSTP, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP đối với các cơ quan, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, nhà hàng, khách sạn, quán ăn	Lao động
15	Luật phòng cháy và chữa cháy-công tác thanh tra, kiểm tra an toàn, phòng chống cháy nổ trong các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra hỏa hoạn	Công an Nhân dân
16	Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể cá nhân trong hệ thống chính trị-công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng	Hồng Đức
17	Hướng dẫn thi hành luật đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đảm bảo cạnh tranh trong đấu thầu	Lao động
18	Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước	Hồng Đức
19	Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp(theo thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024 của bộ Tài chính)	Hồng Đức

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục.

Năm học 2024-2025 nhà trường thành lập hội đồng tự đánh giá và tiến hành tự đánh, cải tiến chất lượng hàng năm.

Nhà trường phấn đấu trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 01 và phấn đấu trường chuẩn quốc gia cấp độ 1.

Đạt chuẩn PCGD Mức độ 3, XMC mức độ 2.

V. Kết quả hoạt động giáo dục năm học 2023-2024.

1. Kết quả tuyển sinh, tổng số HS theo từng khối lớp

Năm học 2023-2024 nhà trường tuyển sinh được 62/65 em đạt 95,4% vào lớp 1 với phương thức tuyển sinh là xét tuyển. Giảm 03 học sinh với lý do: 02 Học sinh Lý Thị Cô và Giàng Thị Nga bị khuyết tật thần kinh, nằm liệt tại chỗ; 01 học sinh Quảng Hà Minh Anh chuyển về học tại trường Tiểu học Noọng Hẹt huyện Điện Biên.

Trường có tổng số 322 học sinh. Tỷ lệ 21,5 HS/lớp. Số lớp số học sinh học 2 buổi/ngày là 15 lớp, 322 HS = 100%.

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Nữ dân tộc	HS diện chính sách (NĐ81/2021; TT/42/2013)				Học sinh bán trú	
					Tổng	Mô côi	Hộ nghèo	Khuyết tật	Tổng	Nữ
1	4	62	35	35	62	1	42	1	2	1
2	4	68	36	36	68	1	54		4	1
3	2	60	28	28	60	2	41		38	18
4	2	61	26	26	61	3	39		33	12
5	3	71	33	33	71	5	48		42	18
Tổng	15	322	158	158	322	12	224	1	119	50

2. Kết quả đánh giá học sinh

2.1. Giáo dục Năng lực:

- Đa số học sinh đã tự giải quyết các vấn đề học tập, chủ động tham gia vào các hoạt động học tập, tìm tòi, khám phá...
- Các em đã biết tự phục vụ bản thân: Ăn mặc quần áo sạch sẽ, gọn gàng; vệ sinh phòng ở, gấp chăn màn đúng quy định;
- Biết làm việc, học tập và làm việc theo nhóm; Biết nhờ thầy cô và bạn bè giúp đỡ để hoàn thành nhiệm vụ.

Kết quả về Năng lực: Lớp 1,2,3,4 theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT

Khối	TSHS	Tự chủ, tự học			Giao tiếp -Hợp tác			GQVĐ và sáng tạo		
		Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
1	62	34	28	0	34	28	0	34	28	0

2	66	37	29	0	37	29	0	37	29	0
3	60	35	25	0	36	24	0	35	25	0
4	61	32	29	0	32	29	0	32	29	0
Tổng	320	140	109	0	139	110	0	138	111	0

NL đặc thù		Tổng số	Tỷ lệ	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4	
Ngôn ngữ				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Tốt	140	56.2	35	56.5	38	57.6	36	60	31	50.8
2	Đạt	109	43.8	27	43.5	28	42.4	24	40	30	49.2
3	CCG			0	0	0	0	0	0	0	0
Tính toán											
1	Tốt	140	56.2	34	54.8	38	57.6	37	61.7	31	50.8
2	Đạt	109	43.8	28	45.2	28	42.4	23	38.3	30	49.2
3	CCG			0	0	0	0	0	0	0	0
Thẩm mỹ											
1	Tốt	141	56.6	34	54.8	38	57.6	38	63.3	31	50.8
2	Đạt	108	43.4	28	45.2	28	42.4	22	36.7	30	49.2
3	CCG			0	0	0	0	0	0	0	0
Thể chất											
1	Tốt	150	60.2	36	58.1	41	62.1	38	63.3	35	57.4
2	Đạt	99	39.8	26	41.9	25	37.9	22	36.7	26	42.6
3	CCG			0	0	0	0	0	0	0	0
Năng lực khoa học											
1	Tốt	146	58.6	35	56.5	38	62.1	40	66.7	33	54.1
2	Đạt	103	41.4	27	43.5	28	37.9	20	33.3	28	45.9
3	CCG			0	0	0	0	0	0	0	0

Kết quả về Năng lực Lớp 5 theo Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT

Khối	TSHS	Tự phục vụ, tự quản			Hợp tác			Tự học và giải quyết vấn đề		
		Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
5	71	32	39	0	32	39	0	32	39	0

2.2. Giáo dục Phẩm chất:

- Đa số các em ngoan ngoãn, lễ phép với thầy cô và người lớn tuổi.
- Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động giáo dục khác;
- Luôn đoàn kết, giúp đỡ bạn bè
- Thực hiện nghiêm túc nội quy củ lớp, của trường.

*Kết quả về phẩm chất: Lớp 1,2,3,4 theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT

Phẩm chất		Tổng số	Tỷ lệ	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4	
Yêu nước				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Tốt	162	65.1	38	61.3	45	68.2	43	71.7	36	59
2	Đạt	87	34.9	24	38.7	21	31.8	17	28.3	25	41
3	CCG	0		0	0	0	0	0	0	0	0
Nhân ái		0									
1	Tốt	160	64.3	39	62.9	42	63.6	42	70	37	60.7
2	Đạt	89	35.7	23	37.1	24	36.4	18	30	24	39.3
3	CCG	0		0	0	0	0	0	0	0	0
Chăm chỉ		0									
1	Tốt	153	61.4	36	58.1	41	62.1	42	70	34	55.7
2	Đạt	96	38.6	26	41.9	25	37.9	18	30	27	44.3
3	CCG	0		0	0	0	0	0	0	0	0
Trung thực		0									
1	Tốt	157	63.1	39	62.9	44	66.7	42	70	32	52.5
2	Đạt	92	36.9	23	37.1	22	33.3	18	30	29	47.5
3	CCG	0		0	0	0	0	0	0	0	0
Trách nhiệm		0									
1	Tốt	152	61.0	36	58.1	42	63.6	42	70	32	52.5
2	Đạt	97	39.0	26	41.9	24	36.4	18	30	29	47.5
3	CCG	0		0	0	0	0	0	0	0	0

***Kết quả về phẩm chất đối với lớp 5:**

Khối	TSHS	Chăm học, chăm làm			Tự tin, trách nhiệm			Trung thực, kỉ luật			Đoàn kết, yêu thương		
		Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
5	71	36	35	0	36	35	0	39	32	0	44	27	0

2.3. Các môn học và HĐ giáo dục

Học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng của các phân môn; Có đầy đủ sách vở và đồ dùng học tập;

Thực hiện tốt việc tăng cường tiếng việt cho học sinh thông qua các tiết tăng cường Tiếng Việt, Đọc sách thư viện, cây từ vựng...

Lồng ghép giáo dục Quốc phòng an ninh, giáo dục kỹ năng sống, an toàn giao thông, GDĐP, ... vào các tiết học.

Tích hợp nội dung GD địa phương, bài học Stem trong các môn học

- Giáo dục các kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, giữ an toàn cho bản thân trong các giờ học, các tiết câu lạc bộ, các hoạt động trải nghiệm, hoạt

động tập thể.

		Tổng số	Tỷ lệ	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
1.Toán				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	HTT	177	55.3	34	54.8	38	57.6	37	61.7	31	50.8	37	52.1
2	HT	143	44.7	28	45.2	28	42.4	23	38.3	30	49.2	34	47.9
3	CHT	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2. Tiếng Việt		0											
1	HTT	176	55.0	35	56.5	38	57.6	36	60	31	50.8	36	50.7
2	HT	144	45.0	27	43.5	28	42.4	24	40	30	49.2	35	49.3
3	CHT	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3. Đạo đức		0											
1	HTT	179	55.9	34	54.8	38	57.6	40	66.7	35	57.4	32	45.1
2	HT	141	44.1	28	45.2	28	42.4	20	33.3	26	42.6	39	54.9
3	CHT	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4. TNXH		0											
1	HTT	113	60.1	35	56.5	38	57.6	40	66.7				
2	HT	75	39.9	27	43.5	28	42.4	20	33.3				
3	CHT	0		0	0	0	0	0	0				
5. HĐTN		0											
1	HTT	143	57.4	34	54.8	37	56.1	39	65	33	54.1		
2	HT	106	42.6	28	45.2	29	43.9	21	35	28	45.9		
3	CHT	0		0	0			0	0	0	0		
6. Khoa học		0											
1	HTT	65	49.2							31	50.8	34	47.9
2	HT	67	50.8							30	49.2	37	52.1
3	CHT	0								0	0	0	
7. LS-Địa Lý		0											
1	HTT	63	47.7							31	50.8	32	45.1
2	HT	69	52.3							30	49.2	39	54.9
3	CHT									0	0	0	
8. Âm Nhạc													
1	HTT	176	55.0	34	54.8	38	57.6	38	63.3	32	52.5	34	47.9
2	HT	144	45.0	28	45.2	28	42.4	22	36.7	29	47.5	37	52.1
3	CHT	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9. Mĩ thuật		0											
1	HTT	177	55.3	34	54.8	38	57.6	40	66.7	31	50.8	34	47.9
2	HT	143	44.7	28	45.2	28	42.4	20	33.3	30	49.2	37	52.1
3	CHT	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10. K. Thuật		0											
1	HTT											35	49.3

2	HT											36	50.7
3	CHT											0	
11. GDTC													
1	HTT	184	57.5	36	58.1	41	62.1	38	63.3	35	57.4	34	47.9
2	HT	136	42.5	26	41.9	25	37.9	22	36.7	26	42.6	37	52.1
3	CHT			0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12. Ngoại ngữ		0											
1	HTT	98	51.0					36	60	31	50.8	31	43.7
2	HT	94	49.0					24	40	30	49.2	40	56.3
3	CHT	0						0	0	0	0	0	
13. Tin học		0											
1	HTT	109	56.8					39	65	34	55.7	36	50.7
2	HT	83	43.2					21	35	27	44.3	35	49.3
3	CHT	0						0	0	0	0	0	
14. Công nghệ		0											
1	HTT	69	57.0					35	58.3	34	55.7		
2	HT	52	43.0					25	41.7	27	44.3		
3	CHT	0						0	0	0	0		

- 320/320 học sinh hoàn thành chương trình lớp học
- 71/71 học sinh hoàn thành chương trình cấp tiểu học
- 64/320 học sinh đạt danh hiệu Hoàn thành xuất sắc đạt 20%
- 55/320 học sinh Tiêu biểu và có thành tích vượt trội đạt 17,2%
- Tham gia các cuộc thi:

Kết quả thi viết chữ đẹp cấp trường có tổng số 270 HS đạt giải, trong đó Giải Nhất : 18 HS Giải Nhì: 26 HS Giải Ba: 35 HS

01 HS đạt giải thi Tiếng Anh qua mạng Intranet cấp tỉnh, 16 HS đạt giải giao lưu Toán Tiếng Việt trong đó 1 giải nhất, 03 giải nhì, 13 giải khuyến khích; Đạt Giải Nhất cuộc thi Giới thiệu về Ngôi trường của em; có 2 sản phẩm đạt giải cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp huyện năm 2024 trong đó 1 giải B, 01 giải khuyến khích

So với năm học 2022 – 2023: Kết quả học tập có những chuyển biến rõ rệt, phản ánh đúng kết quả giáo dục của nhà trường: Trong đó tỉ lệ học sinh HTT (2023 – 2024) 141/320 đạt 44,1% tăng so với năm học trước (2022 – 2023) là 42,9% đã tăng 1,2 %; Không còn học sinh chưa hoàn thành môn học. Học sinh giỏi cấp huyện tăng cả về số lượng và chất lượng.

VI. Kết quả tài chính.

1. Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 0 đồng;
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng;

- Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng

2. Quyết toán chi ngân sách:

a) Chi nhiệm vụ thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;
- Kinh phí giao đầu năm: 8.259.280.000 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 8.259.280.000 đồng
- Kinh phí thực hiện trong kỳ: 4.002.771.139 đồng, đạt 48,46% so với dự toán giao, giảm 1,25% so với cùng kỳ năm 2023

b) Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;
- Kinh phí giao đầu năm: 1.011.310.000 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 1.011.310.000 đồng
- Kinh phí thực hiện trong kỳ: 805.310.000 đồng, đạt 79,36% so với dự toán giao, giảm 14,58% so với cùng kỳ năm 2023

3 .Công khai xã hội hóa giáo dục

Tổng thu: 93.840.000 đồng

Chi hỗ trợ bữa ăn cho 81 học sinh nuôi em tại 04 điểm trường: 93.840.000 đồng

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn cố gắng xây dựng Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Mường Mươn ngày một phát triển với những giá trị mới, thành tựu mới, thực tiễn trong việc đổi mới phương pháp dạy học của thời kỳ hội nhập. “Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên hiểu và làm tốt công việc của mình”. Học sinh thực hiện tốt phương châm trường PTDTBT Tiểu học số 2 Mường Mươn “Chăm chỉ – Tự tin – Tích cực”.

Thầy cô luôn tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng học tập của học sinh đạt được hiệu quả thực chất, vững vàng khi lên lớp trên, không có học sinh bỏ học hay ngồi nhầm lớp. Mỗi học sinh được phát triển tùy theo khả năng. Các em nắm vững các kiến thức, kỹ năng đã được rèn luyện theo mức độ chuẩn chung cả nước và có nâng cao, đảm bảo tính vững chắc theo yêu cầu chung của Ngành giáo dục đào tạo huyện Mường Chà, trung tâm phát triển của giáo dục xã Mường Mươn. Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo của bản thân. Có thể nói chất lượng giáo dục của nhà trường luôn phát triển đi lên, tạo được niềm tin

trong nhân dân địa phương, được các cấp công nhận. Tỷ lệ học sinh hoàn thành Chương trình tiểu học đạt 100%. Nhà trường có 7 thầy cô đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp Huyện và 03 thầy cô đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp Tỉnh năm học 2023- 2024.

Hội đồng thi đua khen thưởng huyện Mường Chà tặng danh hiệu Tập thể Lao động Tiên Tiến;

Trên đây là báo cáo thường niên của trường PTDTBT Tiểu học số 2 Mường Mươn theo phụ lục 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT./.

Nơi nhận

- Website;
- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Liễu